TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 13/5/2026
V/v "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Giả Huệ Tiên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Mai Văn Nghĩa

2. Bà Nguyễn Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tuyết – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 563/2025/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2026/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2026/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Khổng Thanh S, sinh năm 1997. Căn cước công dân số 083097004363 do Cục C về TTXH cấp ngày 12/8/2021 (vắng có đơn).

Địa chỉ: 1 ấp T, xã B, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị Thủy T, sinh năm 1998. Căn cước công dân số 083198009567 (vắng mặt).

Địa chỉ: 1 ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/10/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Khổng Thanh S trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Trần Thị Thủy T tự nguyện kết hôn, sau đó đăng ký kết hôn vào ngày 13/12/2018 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là xã B, tỉnh Vĩnh Long). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến năm 2022 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2022 cho đến nay. Nay ông nhận thấy đôi bên đã không còn tình cảm và không thể hàn gắn nên ông yêu cầu ly hôn với bà T.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông và bà T có 01 con chung tên Khổng Tú Q sinh ngày 05/6/2019 hiện đang sống chung với bà T. Khi ly hôn, ông đồng ý giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Trong quá trình tố tụng vụ án, bị đơn bà Trần Thị Thủy T không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của ông Khổng Thanh S và không đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

** Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát:*

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng*: Thẩm phán được phân công thụ lý vụ án xác định đây là vụ án "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" là đúng quan hệ tranh chấp. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long theo qui định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật: xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, xác minh tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng, tổ chức phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về việc giải quyết vụ án*: Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Khổng Thanh S. Ông Khổng Thanh S được ly hôn với bà Trần Thị Thủy T.

+ Về con chung: giao con chung Khổng Tú Q sinh ngày 05/6/2019 cho bà Trần Thị Thủy T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không có yêu cầu ông S không cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Khổng Thanh S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bà Trần Thị Thủy T có địa chỉ tại ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Khổng Thanh S và bà Trần Thị Thủy T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 13/12/2018 tại Ủy ban nhân dân B, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là xã B, tỉnh Vĩnh Long). Do đó, hôn nhân của ông S và bà T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Ông S cho rằng trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và hai bên đã ly thân từ năm 2022 đến nay, hiện hai bên đã không còn tình cảm và không thể hàn gắn nên ông yêu cầu ly hôn. Xét thấy ông S và bà T mâu thuẫn và ly thân đã lâu nhưng cả hai không thể hàn gắn được. Bà T biết việc ông S yêu cầu ly hôn nhưng không đến Tòa án chứng tỏ bà T không có thiện chí hàn gắn với ông S, có ý bỏ mặc hôn nhân. Do đó, HĐXX xét thấy tình trạng hôn nhân của ông S và bà T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của bà ông S là có căn cứ phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, ông S và bà T có 01 con chung tên Khổng Tú Q sinh ngày 05/6/2019. Xét thấy, hiện con chung Khổng Tú Q đang sống chung với bà T, việc giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đảm bảo được sự ổn định cho cuộc sống, việc học tập cũng như tâm lý của con. Căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu của ông S về việc giao con chung Khổng Tú Q cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không có yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông S cho rằng vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung. Bà T không có yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Xét quan điểm đề nghị về nội dung giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Khổng Thanh S phải nộp án phí hôn nhân gia đình là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ các 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Khổng Thanh S. Ông Khổng Thanh S được ly hôn với bà Trần Thị Thủy T.

2. Về con chung: Bà Trần Thị Thủy T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Khổng Tú Q sinh ngày 05/6/2019.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án xem xét thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông Khổng Thanh S phải nộp án phí hôn nhân gia đình là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là

300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0013023 ngày 25/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 8 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã Bảo Thạnh;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Giả Huệ Tiên